CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cấp nước Đắk Lắk

Ngày 31/03/2025	14,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.4%	**14.6%**	**10.4%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,600 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	470
Số lượng CPLH (CP)	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.73
EPS	1,694
P/E	8.8

DT thuần
Q1/25
78.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.70| 10.9%
YoY: ▲ 10.3| 15.2%

LN thuần
Q1/25
11.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.60| -5.1%
YoY: ▲ 4.55| 68.4%

LN sau thuế
Q1/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.10| -22.9%
YoY: ▲ 4.23| 67.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
34.0%
YoY: +/-▲ 2.4%

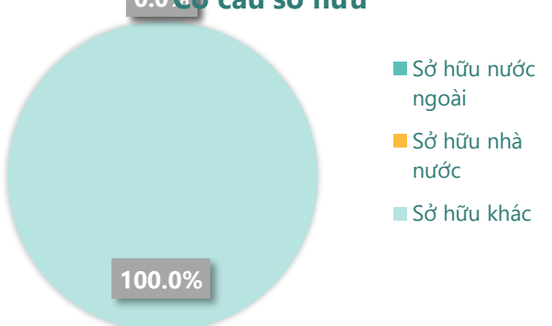
ROE (TTM)
Q1/25
15.5%
YoY: +/-▲ 0.8%

DT thuần
2024
288
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.0| 26.2%

LN thuần
2024
51.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 253%

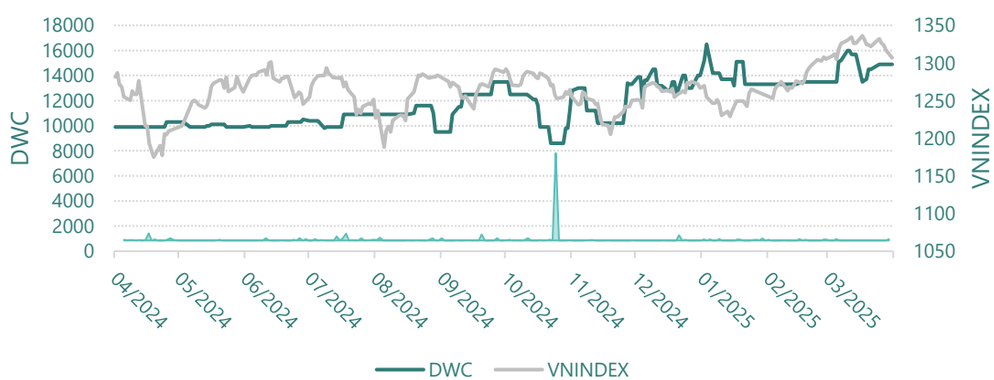
LN sau thuế
2024
51.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.9| 237%

Cơ cấu sở hữu

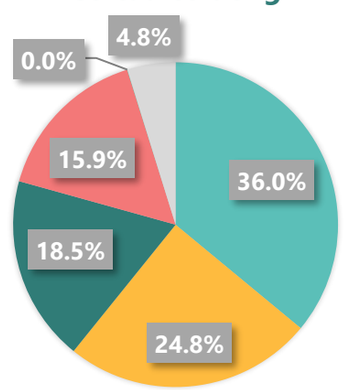


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

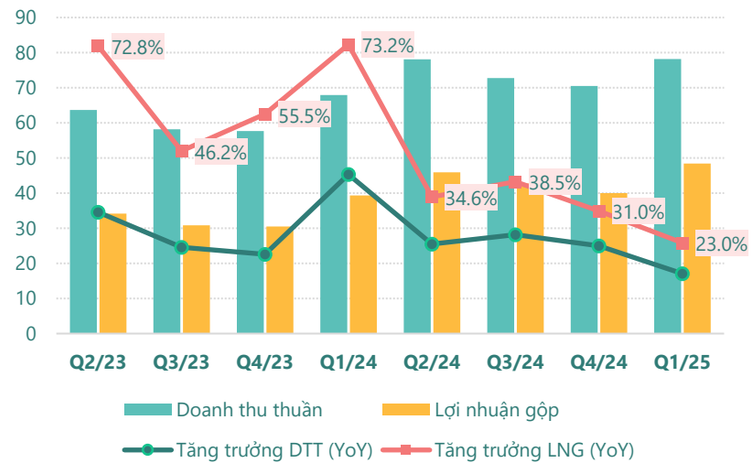


- UBND tỉnh Đắk Lắk
- Phạm Thị Linh (Thành viên HĐQT)
- Đỗ Hoàng Phương (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Hoàng Phúc (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Công Định (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

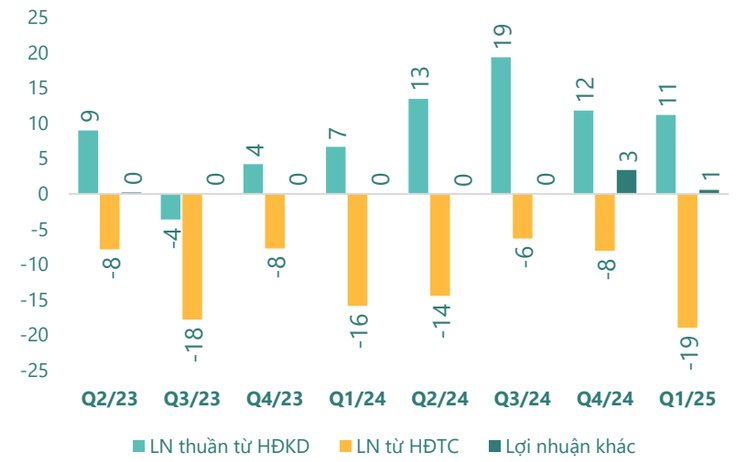
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



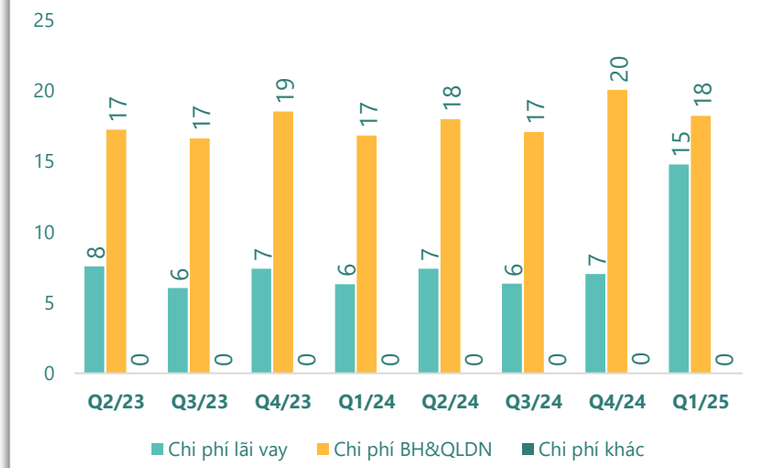
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



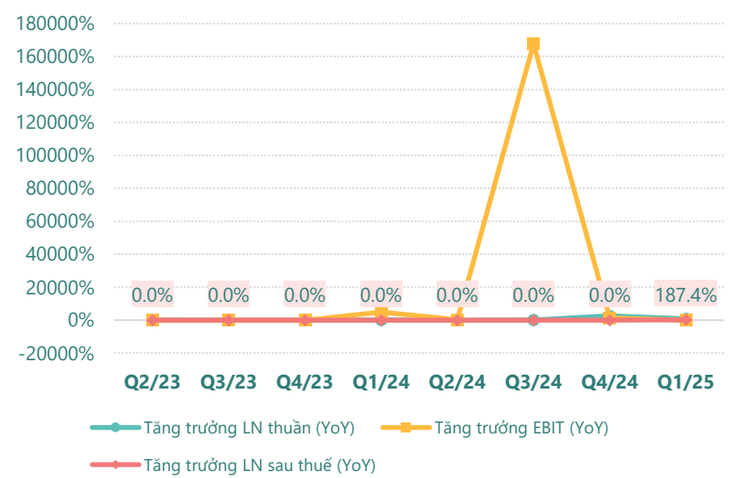
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



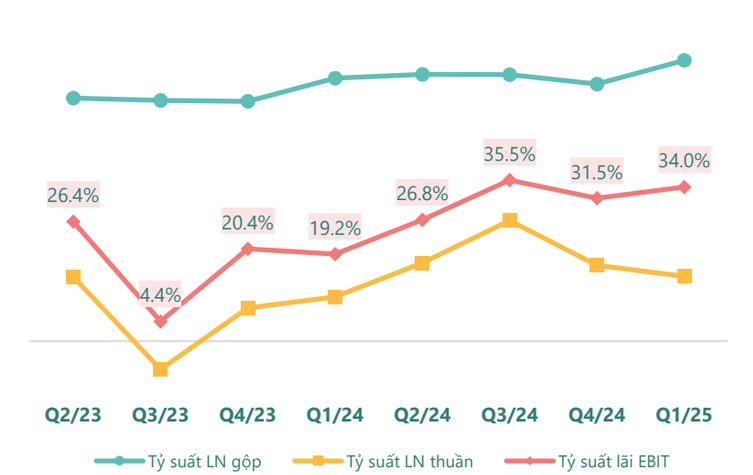
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



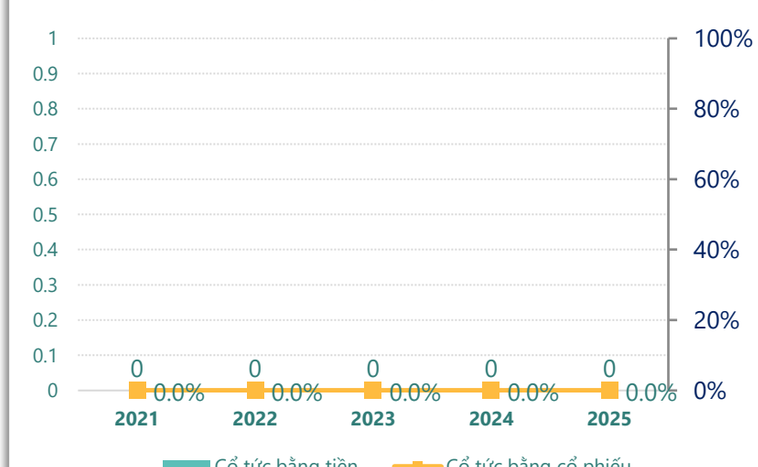
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

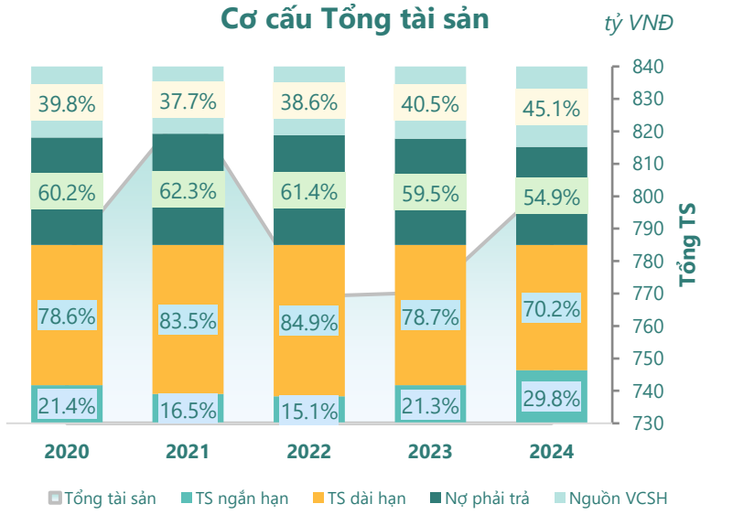
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

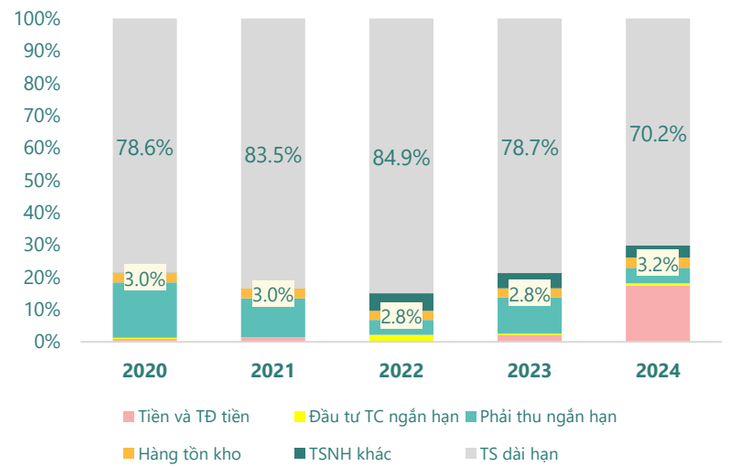
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



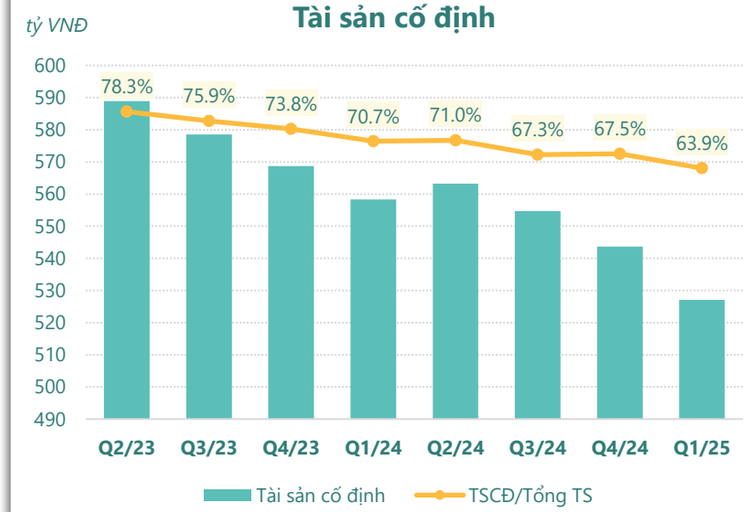
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



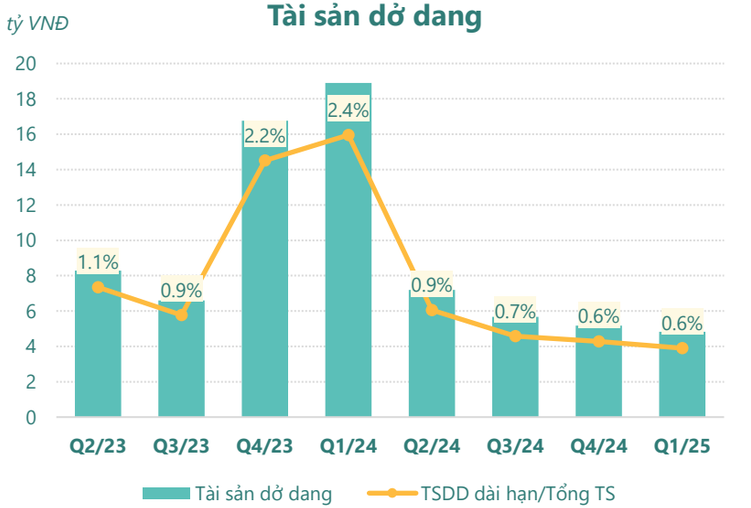
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



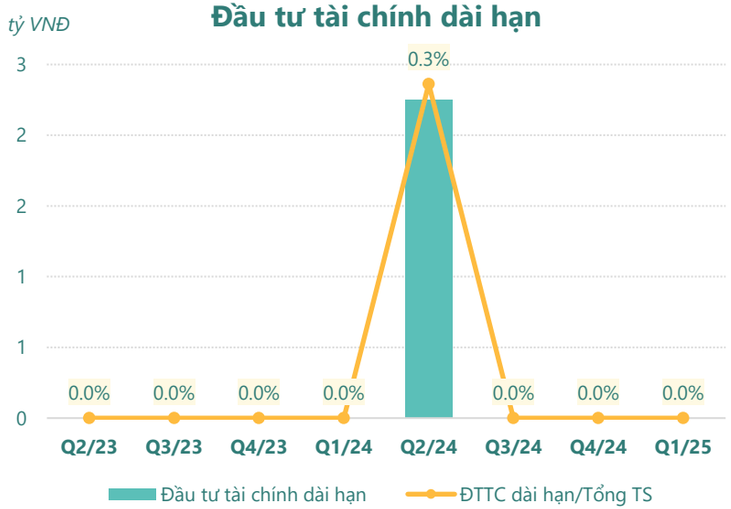
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



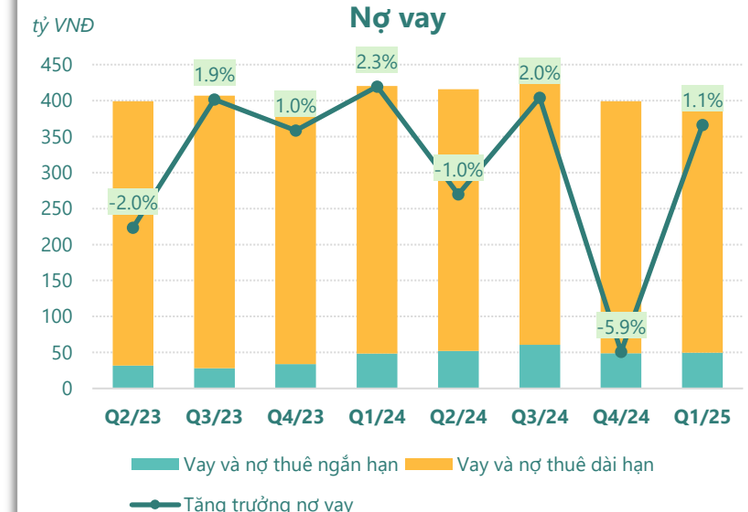
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

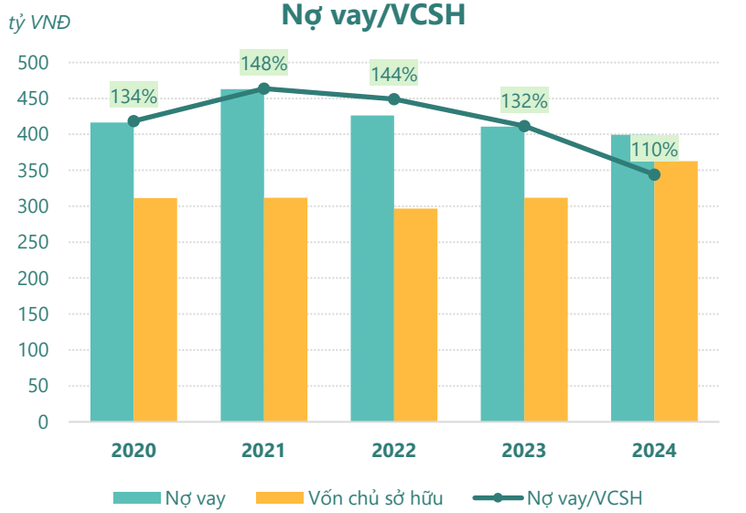
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

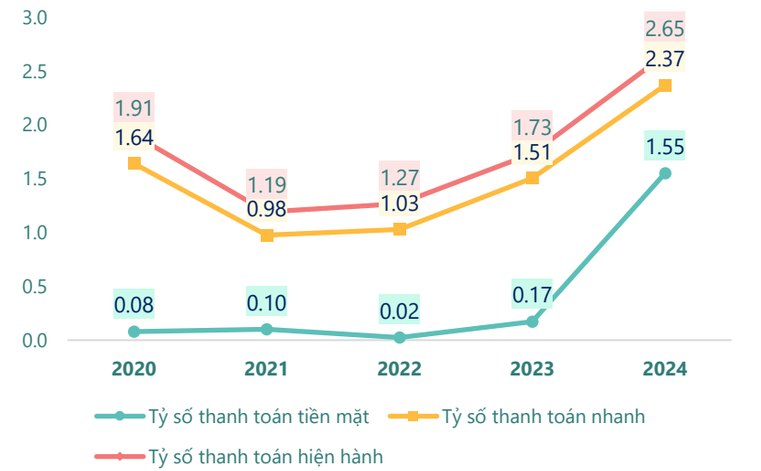
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



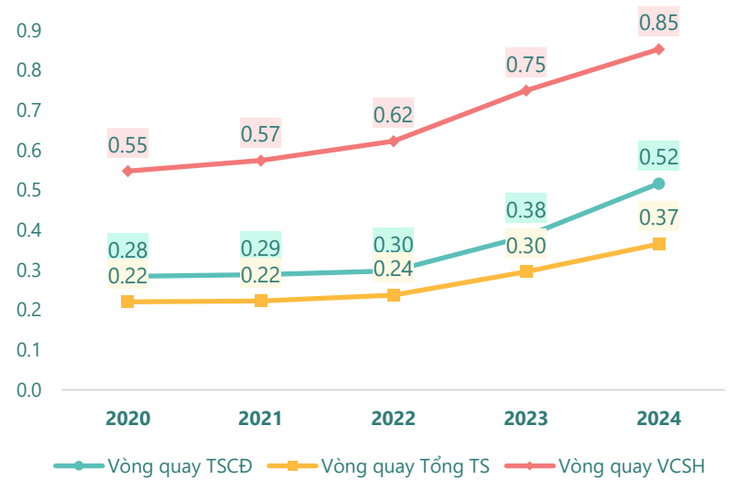
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



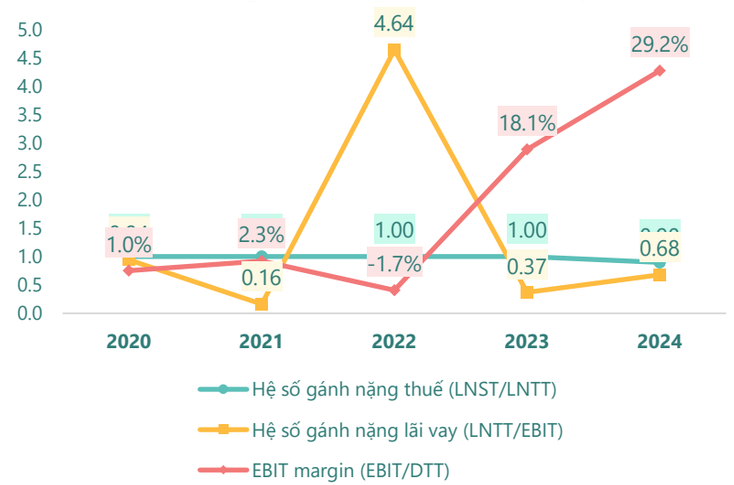
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



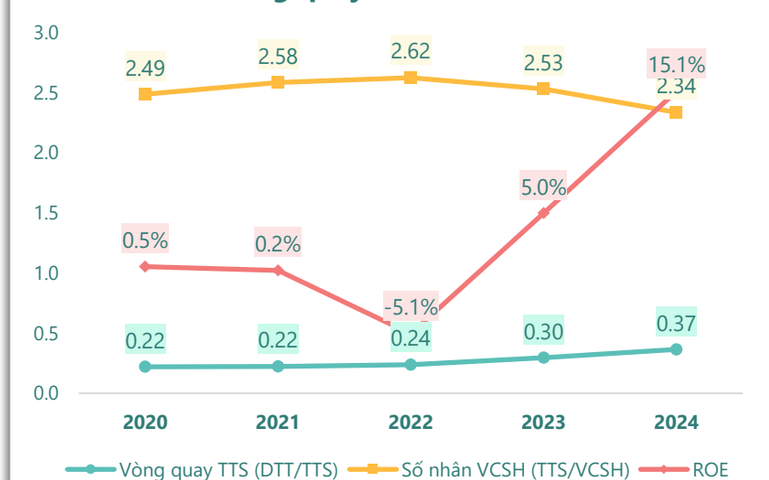
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



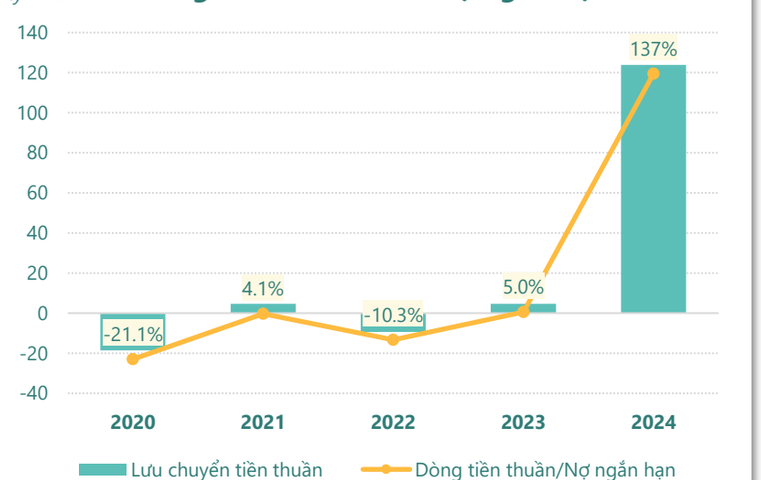
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**78.2**	**67.9**	**15.2%**	**288**	**228**	**26.2%**
Giá vốn hàng bán	29.8	28.5	4.6%	122	110	10.9%
Lợi nhuận gộp	48.4	39.4	22.9%	166	118	40.4%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00		0.28	0.27	2.2%
Chi phí TC	19.0	15.9	19.6%	45.0	36.8	22.1%
Chi phí lãi vay	14.8	6.32	134%	27.1	26.1	3.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.7	11.1	5.8%	46.0	43.2	6.6%
Chi phí QLDN	**6.49**	**5.72**	**13.4%**	**23.6**	**23.8**	**-1.0%**
LN thuần từ HĐKD	11.2	6.65	68.4%	51.7	14.7	253%
Lợi nhuận khác	**0.58**	**0.06**	**863%**	**5.16**	**0.47**	**998%**
LN trước thuế	11.8	6.71	75.5%	56.9	15.1	276%
Lợi nhuận sau thuế	**10.5**	**6.27**	**67.3%**	**51.0**	**15.1**	**237%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.5**	**6.27**	**67.3%**	**51.0**	**15.1**	**237%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	61.2	27.0	73.7	16.7	104	-99.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.00	0.03	-28.0	0.04	0.02	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.9	-18.6	7.16	-12.0	-45.9	-19.8
Tiền đầu kỳ	2.51	19.3	27.8	82.9	87.6	145
Lưu chuyển tiền thuần	**46.3**	**8.49**	**52.9**	**4.66**	**57.8**	**-120**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.8	27.8	77.7	87.6	145	25.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**826**	**805**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	278	240	16.2%
Tiền và tương đương tiền	20.5	140	-85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	0.0%
Phải thu ngắn hạn	202	38.7	421%
Hàng tồn kho	24.1	25.6	-6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	26.8	29.8	-10.1%
Tài sản dài hạn	**547**	**565**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	527	544	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.83	5.17	-6.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**15.2**	**15.9**	**-4.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	452	442	2.3%
Nợ ngắn hạn	**96.4**	**90.3**	**6.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.7	49.0	1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.49	7.22	-37.7%
Nợ dài hạn	356	352	1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	354	350	1.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**373**	**363**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**373**	**363**	**2.9%**
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)